TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
1	Ngô Thị Hồng	Ân	17132003	7.50	8.30	5.80	7,00	7.60	7.20	x
2	Nguyễn Thị Ngọc	Ân	16113002	6.70	5.00	2.40	6,10	6.00	5.20	
3	Phạm Chi	Ân	16114198	5.50	6.50	6.00	5,00	7.30	6.10	x
4	Hồ Phước	An	14113002	7.00	4.10	5.00	7,30	1.40	5.00	
5	Hồ Thái	An	16118008	7.00	6.80	5.40	6,80	1.90	5.60	
6	Lê Việt	An	14112004	6.00	5.00	4.60	1,60	9.30	5.30	
7	Phạm Ngọc	An	17126001	6.50	7.30	6.80	7,30	5.50	6.70	x
8	Trương Văn	An	15138001	6.70	6.50	3.80	6,30	1.90	5.00	
9	Võ Thành	An	16111003	6.70	5.40	3.60	1,10	6.80	4.70	
10	Dương Thị Ngọc	Anh	17125006	6.80	5.90	2.60	5,90	6.10	5.50	
11	Huỳnh Thị Phượng	Anh	16149002	6.30	3.00	1.40	4,00	6.90	4.30	
12	Nguyễn Thị Minh	Anh	17116008	7.00	6.80	4.10	6,10	2.60	5.30	
13	Nguyễn Dương Mỹ	Anh	15112001	6.50	8.40	7.40	8,80	5.30	7.30	x
14	Nguyễn Mộng Quế	Anh	16128005	6.00	4.90	5.90	7,80	3.00	5.50	
15	Nguyễn Thị Nhật	Anh	18139006	6.50	6.80	3.10	3,40	3.60	4.70	
16	Phạm Hoàng Quốc	Anh	14126005	7.70	7.60	5.60	5,40	0.00	5.30	
17	Phạm Thị Kim	Anh	15149005	5.70	8.10	5.10	8,60	5.00	6.50	x
18	Phạm Thị Như Kiều	Anh	13149789	5.70	6.60	3.10	5,60	8.50	5.90	
19	Thạch Kim Thị Vân	Anh	17112393	5.50	8.60	6.80	8,60	8.60	7.60	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
20	Hoàng Thị	Ái	17125001	7.80	8.50	2.40	8,00	5.50	6.40	
21	Lý Thị Diệu	Ái	17125002	6.70	8.80	6.00	6,00	5.00	6.50	x
22	Huỳnh Ngọc	Ánh	16125098	7.50	6.00	4.00	6,90	8.30	6.50	
23	HuỳnhNguyễn Kim	Ánh	18122011	6.70	8.00	7.40	8,60	8.80	7.90	x
24	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	17126006	6.00	6.30	0.40	5,30	8.90	5.40	
25	Nguyễn Ngọc	Ánh	16120012	6.50	4.80	5.00	2,40	1.40	4.00	
26	Nguyễn Thị Kim	Ánh	16127006	6.00	6.80	2.80	6,00	5.00	5.30	
27	Phan Đức	Ánh	16115006	5.00	5.30	4.10	3,40	5.60	4.70	
28	Trần Kim Ngọc	Ánh	18424001	5.80	7.50	4.00	3,50	5.00	5.20	
29	Trần Thị Ngọc	Ánh	18112015	5.00	7.80	7.40	7,90	5.00	6.60	x
30	Bùi Đình	Bắc	17153003	6.80	6.50	0.40	2,60	3.60	4.00	
31	Đoàn Xuân	Bắc	15112004	6.80	8.60	6.40	7,40	7.60	7.40	x
32	Trần Ngọc	Bằng	15125013	4.70	0.00	0.00	,00	5.40	2.00	
33	Hồ Chí	Bảo	14118102	6.80	8.10	6.40	7,90	8.30	7.50	x
34	Mai Xuân	Bảo	15122011	6.30	7.10	0.10	3,00	6.90	4.70	
35	Đinh Quốc	Bảo	16111010	7.30	7.00	5.30	6,00	6.80	6.50	x
36	Nguyễn Hoài	Bảo	17154005	7.70	6.90	4.10	6,40	7.80	6.60	
37	Nguyễn Hoài	Bảo	14118103	5.70	6.50	0.10	2,40	0.90	3.10	
38	Đặng Thị	Bé	18424002	5.00	7.30	3.60	4,90	1.40	4.40	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
39	Đoàn Thị Ngọc	Bích	18122016	5.30	7.80	2.60	6,30	6.00	5.60	
40	Nguyễn Thị Cẩm	Bình	16115010	6.80	7.80	7.80	7,30	7.00	7.30	x
41	Nguyễn Thị Tâm	Bình	16115011	6.30	7.30	6.10	8,00	8.60	7.30	x
42	Nguyễn Văn	Bình	14118105	3.00	0.00	0.40	,00	5.00	1.70	
43	Trần Thanh	Bình	17138002	5.80	7.50	3.50	5,00	8.00	6.00	
44	Nguyễn Thị Hoa	Cảnh	17123006	6.80	6.50	4.00	7,30	5.90	6.10	
45	Nguyễn Thị Minh	Cư	14115011	4.20	6.90	2.10	5,60	5.00	4.80	
46	Nguyễn Thành	Công	13125052	4.80	5.40	1.60	4,90	0.00	3.30	
47	Nguyễn Chí	Cường	16130305	6.20	6.80	4.60	7,00	6.80	6.30	
48	Nguyễn Quang	Cường	16138011	7.00	5.90	3.60	3,60	6.00	5.20	
49	Phạm Văn	Cường	14115290	5.80	6.90	1.40	6,10	1.90	4.40	
50	Võ Hùng	Cường	16120030	5.00	4.30	2.10	3,50	2.40	3.50	
51	Lê Thị Chân	Chân	15121006	3.20	3.30	3.00	3,50	0.00	2.60	
52	Hà Thị	Châu	16116030	5.80	6.60	2.60	6,10	6.50	5.50	
53	Lê Kim	Châu	17126009	8.20	7.40	5.00	2,40	7.80	6.20	
54	Nguyễn Xuân	Chỉnh	15154007	5.30	7.80	2.40	5,90	3.10	4.90	
55	Nguyễn Thị	Chi	17149010	6.80	7.90	5.00	4,00	9.00	6.50	
56	Nguyễn Thị Diễm	Chi	18122023	6.30	6.10	5.00	7,10	3.60	5.60	
57	Nguyễn Thị Lệ	Chi	16124026	6.50	6.50	3.50	6,30	6.10	5.80	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
58	Phạm Thị Lệ	Chi	17122014	5.30	7.60	6.00	6,30	1.90	5.40	
59	Nguyễn Hồng	Chí	16112489	6.00	6.30	4.50	3,80	8.00	5.70	
60	Nguyễn Hoàng Anh	Chiến	14153068	6.00	7.80	5.30	6,50	4.00	5.90	
61	Nguyễn Đình	Chiến	18115012	7.20	7.50	4.50	5,00	6.80	6.20	
62	Trần Văn	Chương	16112491	7.00	6.80	3.80	7,50	8.30	6.70	
63	Lương Văn	Chức	15112009	4.70	6.50	1.40	1,90	0.00	2.90	
64	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	16128015	7.30	9.00	9.10	7,80	7.80	8.20	x
65	Võ Thị	Diễm	16113016	6.80	6.50	0.90	2,40	0.00	3.30	
66	Võ Trần Thúy	Diễm	15127013	7.20	6.50	3.50	5,00	2.40	4.90	
67	Nguyễn Thị	Diễm	16132280	4.80	6.10	1.80	3,10	3.30	3.80	
68	Âu Thị Huyền	Diệu	18139028	4.70	7.30	0.90	6,80	3.60	4.70	
69	Huỳnh Thị Ngọc	Diệu	17115015	6.00	8.10	0.60	3,30	6.80	5.00	
70	Ngô Thị Ngọc	Diệu	17126016	6.00	5.90	7.30	7,30	8.10	6.90	x
71	Nguyễn Thị	Diệu	17120024	6.80	6.50	2.40	1,60	7.10	4.90	
72	Nguyễn Thị	Diệu	18122034	5.20	7.30	5.40	5,90	2.40	5.20	
73	Trần Hồng	Dinh	17125043	6.50	8.30	1.90	,00	5.00	4.30	
74	Nguyễn Thị Thùy	Dương	17113024	5.20	5.00	4.60	7,50	8.00	6.10	
75	Nguyễn Lưu Ấn	Dương	17126021	5.70	6.80	1.60	7,50	7.80	5.90	
76	Phạm Hải	Dương	17138012	6.80	5.80	5.30	7,40	8.80	6.80	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
77	Trần Xuân	Dương	16116048	6.20	4.60	1.90	,90	6.30	4.00	
78	Cao Lê	Duẩn	15124044	5.80	6.50	4.30	5,80	1.90	4.90	
79	Lê Thanh	Dung	16113022	6.20	5.80	1.40	4,50	5.60	4.70	
80	Mai Phương	Dung	18424006	5.00	3.80	0.60	5,80	1.40	3.30	
81	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17139026	6.50	7.10	5.30	6,80	7.10	6.60	x
82	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	16122049	5.70	7.90	6.80	6,90	7.80	7.00	x
83	Trần Thị Hạnh	Dung	15112264	7.00	5.40	1.60	2,60	7.60	4.80	
84	Vũ Thị Thanh	Dung	17149027	7.50	6.40	7.10	5,90	5.00	6.40	x
85	Nguyễn Trọng	Dũng	17113021	7.50	5.60	3.10	6,40	4.10	5.30	
86	Huỳnh Thị Ánh	Duy	17117007	6.70	2.60	0.90	1,90	6.80	3.80	
87	Mai Thanh	Duy	17122023	8.30	6.60	1.60	7,00	7.30	6.20	
88	Ngô Đức	Duy	18111031	6.80	7.30	5.80	7,40	5.60	6.60	x
89	Nguyễn Trọng	Duy	16113244	5.80	8.50	4.10	6,50	6.40	6.30	
90	Trần Khương	Duy	15116029	5.50	6.60	2.40	,00	1.90	3.30	
91	Chim Thị Kim	Duyên	17155012	6.30	7.50	1.90	6,00	6.10	5.60	
92	Hồ Thị Thúy	Duyên	15149025	6.00	6.00	3.30	6,50	8.80	6.10	
93	Huỳnh Ngọc Mỹ	Duyên	14122463	4.70	4.00	3.50	,40	2.40	3.00	
94	Lê Thị Mỹ	Duyên	18122043	5.00	5.00	6.00	,00	3.50	3.90	
95	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	17124034	6.70	2.60	1.60	,00	5.40	3.30	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
96	Nguyễn Thị	Duyên	16112412	5.70	6.60	5.00	6,60	5.60	5.90	x
97	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18122046	5.00	5.00	2.10	4,00	3.50	3.90	
98	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18124033	5.20	7.90	3.40	8,90	5.50	6.20	
99	Phan Vũ Quỳnh	Duyên	15124060	5.20	3.40	2.10	,90	0.00	2.30	
100	Phú Thị	Duyên	15117093	4.50	6.50	0.90	7,00	3.60	4.50	
101	Hà Nam	Giang	16132287	5.80	5.90	0.40	6,60	6.30	5.00	
102	Đặng Thị Lệ	Giang	15124062	6.20	4.80	3.90	8,60	5.90	5.90	
103	Trần Thị	Giang	16423010	5.70	2.60	2.40	3,10	3.10	3.40	
104	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	17122032	6.50	7.30	3.00	4,50	3.50	5.00	
105	Nguyễn Văn	Giàu	17113036	7.00	6.10	5.90	6,50	7.50	6.60	x
106	Nguyễn Trường	Hận	17153026	7.50	6.80	5.00	6,30	5.50	6.20	x
107	Lê Thanh	Hậu	17113047	7.00	7.10	6.10	6,80	6.10	6.60	x
108	Lê Thị Hải	Hậu	18122063	5.50	7.30	2.60	5,80	5.00	5.20	
109	Nguyễn Văn	Hậu	15113038	6.70	7.50	6.30	7,00	7.10	6.90	x
110	Phạm Ngọc	Hân	17139037	7.80	0.90	3.40	5,00	3.10	4.00	
111	Trần Thị Mỹ	Hân	16113210	7.70	9.00	7.50	8,60	6.10	7.80	x
112	Lê Thị	Hằng	16149024	6.50	6.60	1.90	6,50	5.30	5.40	
113	Đoàn Thị Thu	Hằng	17123019	5.80	8.30	7.10	8,60	6.50	7.30	x
114	Nguyễn Quỳnh	Hằng	16139053	6.30	6.90	5.60	1,90	7.30	5.60	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
115	Nguyễn Thị	Hằng	16112414	3.50	6.10	1.40	,90	4.10	3.20	
116	Nguyễn Thị	Hằng	15115042	6.80	7.60	5.30	7,10	5.00	6.40	x
117	Nguyễn Thị	Hằng	17424008	5.80	6.50	1.90	6,90	5.60	5.30	
118	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	16122403	6.70	6.40	3.60	5,40	7.80	6.00	
119	Nguyễn Thúy	Hằng	15131029	6.20	6.60	3.10	5,60	1.90	4.70	
120	Phạm Thị Thu	Hằng	16125180	6.20	9.30	6.90	8,30	7.40	7.60	x
121	Phan Thị Thanh	Hằng	15112415	6.80	6.50	1.10	5,80	6.50	5.30	
122	Bùi Thị Hồng	Hạnh	14113049	7.70	9.80	9.90	7,00	6.50	8.20	x
123	Lê Thị Minh	Hạnh	14112463	4.50	6.80	2.60	,00	6.30	4.00	
124	Lương Thị Mỹ	Hạnh	17155016	4.20	7.80	1.60	7,30	5.30	5.20	
125	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	18423002	6.30	6.50	7.10	2,60	5.40	5.60	
126	Nguyễn Thị Kiều	Hạnh	16120073	6.70	7.10	2.10	7,40	5.00	5.70	
127	Trần Thị Hồng	Hạnh	17149043	6.70	5.50	3.00	4,50	6.10	5.20	
128	Bùi Thu	Hà	16123054	7.00	6.90	3.10	7,40	0.00	4.90	
129	Hàng Ngọc	Hà	17113037	7.30	9.30	7.60	5,00	7.40	7.30	x
130	Lê Thị	Hà	17155015	5.30	5.90	1.90	5,60	5.00	4.70	
131	Lê Thị Thanh	Hà	15125333	6.20	7.50	4.00	7,80	8.80	6.90	
132	Đào Ngân	Hà	16139045	7.50	7.90	9.40	8,60	7.00	8.10	x
133	Nguyễn Thị Thu	Hà	15112412	5.50	6.30	6.30	6,50	5.00	5.90	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
134	Nguyễn Thị Thúy	Hà	16117010	6.30	6.50	5.00	1,90	2.40	4.40	
135	Trần Thị	Hà	15112205	6.30	7.00	4.50	6,80	6.10	6.10	
136	Nguyễn Đại	Hành	16113033	6.20	7.90	8.60	6,90	6.00	7.10	x
137	Lưu Anh	Hào	16120077	4.70	4.40	4.60	,90	5.00	3.90	
138	Nguyễn Văn	Hào	15116035	6.80	6.40	1.90	6,40	7.30	5.80	
139	Văn Nhật	Hào	17126034	7.80	7.50	3.90	5,40	3.60	5.60	
140	Võ Đại	Hào	15149206	5.70	7.00	2.40	1,10	1.90	3.60	
141	Huỳnh Ngọc	Hải	16115036	7.00	6.30	3.50	7,80	5.00	5.90	
142	Lê Thanh	Hải	16116268	5.70	3.30	1.60	7,00	9.60	5.40	
143	Nguyễn Khắc	Hải	17115029	5.80	7.80	2.10	6,10	6.80	5.70	
144	Nguyễn Nhật	Hải	16153021	6.00	4.60	1.90	6,80	7.10	5.30	
145	Tiết Huỳnh Ngọc	Hải	17154026	5.80	5.00	2.40	4,40	5.90	4.70	
146	Nguyễn Minh	Hảo	17120042	7.80	5.30	5.80	6,30	6.80	6.40	x
147	Nguyễn Thị	Hảo	16120079	5.20	3.00	3.30	4,00	3.00	3.70	
148	Nguyễn Thị Như	Hảo	16123069	5.20	7.30	5.00	6,30	1.90	5.10	
149	Trần Thị	Hảo	14115308	5.80	6.50	2.40	2,40	1.40	3.70	
150	Bùi Thị Kim	Hiền	14145044	6.30	6.60	5.00	6,50	2.60	5.40	
151	Bùi Thị Thu	Hiền	15122049	7.00	7.80	3.90	4,10	6.40	5.80	
152	Hồ Thị Diệu	Hiền	15120045	7.00	3.80	4.50	6,00	6.30	5.50	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
153	Lê Phạm Thị Ngọc	Hiền	16132298	5.20	6.60	0.00	5,50	5.00	4.50	
154	Lưu Thanh	Hiền	17138015	7.30	6.40	2.40	2,40	8.80	5.50	
155	Đặng Thị Thu	Hiền	17125084	5.50	6.80	1.40	7,80	6.40	5.60	
156	Nguyễn Thị	Hiền	17123027	5.70	6.60	5.00	4,40	6.10	5.60	
157	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18122067	6.00	7.60	4.10	7,90	3.10	5.70	
158	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18122066	5.70	7.00	5.00	5,80	5.00	5.70	x
159	Nguyễn Thúy	Hiền	16114230	6.30	3.80	8.80	6,80	6.00	6.30	
160	Trần Thị Diệu	Hiền	15149044	5.30	3.80	0.90	4,80	0.40	3.00	
161	Trương Thị Thu	Hiền	16139069	7.20	2.10	0.90	7,30	5.40	4.60	
162	Chế Linh	Hiệp	15112268	6.00	5.90	5.90	6,50	7.00	6.30	x
163	Lê Minh	Hiệp	17118033	5.20	6.80	3.60	6,80	7.30	5.90	
164	Nguyễn Đức	Hiệp	16111056	3.00	3.10	0.00	,90	1.40	1.70	
165	Phạm Đại	Hiệp	15113040	5.50	7.80	6.00	6,50	6.80	6.50	x
166	Dương Thành	Hiếu	14112098	5.20	5.00	2.60	3,60	2.40	3.80	
167	Nguyễn Minh	Hiếu	15153025	7.20	7.30	4.60	6,40	8.30	6.80	
168	Nguyễn Trung	Hiếu	16114234	5.80	7.50	5.30	7,30	7.10	6.60	x
169	Nguyễn Xuân	Hiếu	15118035	5.70	4.90	2.10	4,90	1.90	3.90	
170	Trần Trung	Hiếu	18424010	6.00	7.90	6.80	8,00	6.80	7.10	x
171	TrầnTrọng	Hiếu	17149053	5.50	7.90	3.90	6,60	5.90	6.00	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
172	TrỊnh Minh	Hiếu	17138020	5.70	4.40	0.10	1,40	8.10	3.90	
173	Võ Trung	Hiếu	16137030	7.00	8.50	8.60	7,30	5.00	7.30	x
174	Nguyễn Lê	Hiệu	15112269	5.80	5.00	1.10	5,60	5.90	4.70	
175	Nguyễn Thị	Hoa	18122071	5.80	7.30	2.40	6,80	2.40	4.90	
176	Phạm Thị	Hoa	16123078	7.30	7.50	3.90	3,60	9.30	6.30	
177	Thạch Thị Thúy	Hoa	16145288	5.50	7.60	3.40	6,40	7.40	6.10	
178	Châu Long	Hồ	17125095	6.00	8.90	3.10	8,40	4.10	6.10	
179	Lưu Lâm	Hồ	16122110	5.80	5.00	3.30	6,50	6.90	5.50	
180	Mai Thị Thu	Hồng	14112116	7.00	7.30	8.60	7,90	5.80	7.30	x
181	Trần Phan Xuân	Hồng	15162013	5.00	6.40	2.10	2,60	9.30	5.10	
182	Võ Thị Thu	Hồng	17124058	6.00	6.80	3.30	5,00	9.30	6.10	
183	Võ Thị Mộng	Hồng	14126082	6.20	4.00	2.10	5,00	0.40	3.50	
184	Hoàng Huy	Hoàng	17113065	5.80	6.50	1.40	6,00	1.90	4.30	
185	Lương Minh	Hoàng	17424012	7.00	9.30	3.80	4,50	0.90	5.10	
186	Đặng Thị Thanh	Hoàng	18423003	7.20	9.00	5.30	7,40	6.10	7.00	x
187	Phạm Bá	Hoàng	15112216	5.70	7.00	1.10	7,50	5.60	5.40	
188	Phạm Minh	Hoàng	14112567	5.80	6.80	5.00	7,50	2.40	5.50	
189	Đỗ Phạm Minh	Hòa	16124068	7.70	4.80	2.40	4,00	5.00	4.80	
190	Phạm Văn	Hòa	15115055	6.00	8.80	7.80	8,00	5.50	7.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
191	Huỳnh Tấn	Hữu	16118061	5.30	5.00	1.60	7,30	9.30	5.70	
192	Lê Văn	Hữu	16426006	5.00	5.50	0.40	1,10	1.90	2.80	
193	Phạm Thanh	Hữu	16116076	6.30	6.50	3.80	7,50	8.00	6.40	
194	Đỗ Thị	Hương	15112049	6.00	5.00	1.40	4,10	0.00	3.30	
195	Nguyễn Huỳnh Thu	Hương	16131085	6.70	8.50	5.00	6,50	1.60	5.70	
196	Phạm Thị Thu	Hương	16124073	6.50	7.30	5.00	7,00	5.00	6.20	x
197	Trần Thị	Hương	16132313	5.50	8.80	3.00	6,80	2.40	5.30	
198	Nguyễn Phạm Đăng	Hướng	15124108	6.30	5.60	5.00	5,00	9.40	6.30	x
199	Nguyễn Thị Mỹ	Huệ	17124221	6.80	6.80	3.10	7,30	5.60	5.90	
200	Trần Tín	Hùng	17125104	7.80	6.80	4.10	4,90	4.10	5.50	
201	Bùi Quang	Huy	14118170	6.50	6.00	6.00	6,80	6.00	6.30	x
202	Lê Thanh	Huy	16125227	8.00	5.60	5.90	6,10	5.00	6.10	x
203	Đặng Hoàng	Huy	16139082	7.80	8.00	5.60	6,40	7.00	7.00	x
204	Nguyễn Hoàng	Huy	17112079	4.80	5.50	1.90	,00	5.50	3.50	
205	Nguyễn Đức	Huy	17113075	7.00	6.00	3.50	1,40	3.80	4.30	
206	Phạm Quốc	Huy	15111059	7.20	6.80	3.00	,00	8.30	5.10	
207	Trần Gia	Huy	16120105	6.20	9.00	6.50	6,90	9.30	7.60	x
208	Trần Nguyên	Huy	15114069	6.80	6.80	5.60	,00	0.00	3.80	
209	Trần Quang	Huy	16111066	4.50	0.00	3.40	2,60	5.10	3.10	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
210	Ngô Thị Cẩm	Huyền	13125671	4.00	0.00	0.00	,00	0.00	0.80	
211	Trương Thị Hồng	Huyền	16120113	6.00	4.60	1.40	7,30	6.80	5.20	
212	Văn Ngọc Mỹ	Huyền	12115291	6.20	5.60	0.60	7,30	1.40	4.20	
213	Vũ Thị	Huyền	18122084	7.50	7.50	3.00	6,00	2.40	5.30	
214	Vũ Đức	Huynh		5.70	7.50	7.00	6,60	5.90	6.50	x
215	Vũ Quang	Huynh	15122081	6.00	5.80	5.00	4,80	1.90	4.70	
216	Phạm Thị Thu	Huỳnh	17125118	6.20	9.00	8.40	6,50	7.50	7.50	x
217	Trần Thị Như	Huỳnh	16132316	6.30	6.50	2.40	8,10	8.60	6.40	
218	Cil K	Janơ	16113251	5.00	7.10	2.10	5,80	1.00	4.20	
219	Nguyễn Văn	Ka	14137044	5.50	5.00	0.10	6,50	1.90	3.80	
220	Đặng Tuấn	Kiệt	14154028	6.70	4.90	1.90	,90	8.00	4.50	
221	Hoàng Thị Ngọc	Kiều	16145293	5.00	3.00	3.50	7,10	5.00	4.70	
222	Huỳnh Thị Thanh	Kiều	16122141	5.70	6.00	0.90	4,80	7.60	5.00	
223	Lê Thị Thúy	Kiều	17117029	6.70	5.60	3.10	6,80	7.00	5.80	
224	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	17149067	6.20	5.00	5.00	7,10	1.40	4.90	
225	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	15131054	5.70	6.90	5.00	5,80	1.90	5.10	
226	Phan Thị	Kiều	17113086	6.30	5.00	6.10	6,50	7.60	6.30	x
227	Trần Thị Ngọc	Kiều	15131170	6.50	7.60	6.50	6,90	5.90	6.70	x
228	Trần Thị Thiên	Kiều	15127055	5.50	4.40	2.10	3,10	6.80	4.40	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
229	Trương Thị Thúy	Kiều	16112428	4.80	2.60	4.00	6,50	3.80	4.30	
230	Huỳnh Văn	Kỳ	14112148	5.80	4.40	3.90	,90	3.10	3.60	
231	Trương Vĩnh	Ký	15115073	6.50	8.30	6.50	7,00	6.00	6.90	x
232	Huỳnh Tấn	Kha	17424016	4.50	3.60	1.90	5,60	5.00	4.10	
233	Huỳnh Văn	Kha	17113079	6.70	6.00	0.90	7,30	7.30	5.60	
234	Lê Duy	Kha	15111062	7.50	6.60	3.60	3,40	1.40	4.50	
235	Nguyễn Minh	Kha	15131047	6.00	6.40	2.40	5,00	6.80	5.30	
236	Phạm Thị Mộng	Kha	17116062	5.80	8.10	3.30	6,50	6.60	6.10	
237	Phạm Minh	Kha	16139091	8.20	9.00	4.00	7,00	5.60	6.80	
238	Trần Thị Yến	Kha	14112138	6.50	9.40	9.30	7,80	8.80	8.40	x
239	Nguyễn Châu	Khang	15124126	6.00	7.50	8.00	8,60	6.40	7.30	x
240	Phạm Duy	Khang	16116081	5.50	3.30	0.40	1,10	5.10	3.10	
241	Dương Quốc	Khánh	17153035	7.20	6.80	4.10	4,60	5.00	5.50	
242	Vũ Thụy Ngọc	Khánh	17128061	5.70	7.30	1.90	6,40	7.80	5.80	
243	Nguyễn Bích	Khả	16122134	5.20	7.60	5.90	8,40	6.00	6.60	x
244	Phạm Viết	Khải	14115448	3.80	8.00	0.60	7,50	5.00	5.00	
245	Bùi Đăng	Khoa	15131050	5.80	7.30	3.00	6,00	6.00	5.60	
246	Huỳnh Thế	Khoa	16112290	5.30	6.00	6.50	6,30	6.00	6.00	x
247	Nguyễn Tiến	Khoa	17153038	6.30	5.80	4.50	5,80	6.10	5.70	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
248	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	16115078	5.80	7.80	1.40	7,50	7.50	6.00	
249	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	17138028	6.30	3.90	4.60	7,10	5.50	5.50	
250	Lê Vương Kim	Khuê	17149065	5.20	7.80	3.90	7,50	8.80	6.60	
251	Thái Phước	Lập	15128047	6.30	6.80	5.40	1,60	6.80	5.40	
252	Lương Uy	Lâm	14112152	6.80	7.80	3.80	7,90	5.90	6.40	
253	Phụng Thân	Lâm	15126058	5.00	5.40	3.90	3,60	5.00	4.60	
254	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	17122070	7.20	5.30	4.00	8,80	5.50	6.20	
255	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	18123053	6.50	5.00	6.50	6,80	6.90	6.30	x
256	Phạm Thị Thu	Lan	16127048	6.30	6.80	5.00	6,50	6.10	6.10	x
257	Trần Phan Thanh	Lan	17115057	6.30	6.50	5.00	6,30	8.30	6.50	x
258	Lê Quang	Lanh	16137046	7.50	6.00	2.10	7,30	5.50	5.70	
259	Phạm Xuân	Lành	16116008	8.30	9.10	8.60	7,40	9.30	8.50	x
260	Thái Thị Thu	Lành	16125256	7.00	5.60	5.00	6,80	6.30	6.10	x
261	Phạm Ngọc	Lánh	15162020	5.30	4.60	5.00	7,50	2.60	5.00	
262	Neáng Túch Srây	Liák	17125481	5.20	6.10	5.40	3,60	5.00	5.10	
263	Trần Thị Thanh	Liễu	15122288	6.80	3.90	0.90	4,10	0.90	3.30	
264	Nguyễn Thanh	Liêm	16145205	8.20	5.50	7.60	7,10	6.40	7.00	x
265	Chu Thị Ngọc	Liên	16111279	6.30	6.40	5.00	7,50	5.50	6.10	x
266	Lý Ái	Liên	15123039	4.00	5.00	6.10	5,00	8.80	5.80	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
267	Ngô Thị Mỹ	Liên	15112065	6.30	5.50	8.30	5,50	5.40	6.20	x
268	Nguyễn Thị Ái	Liên	17149071	5.50	7.80	6.50	7,40	6.50	6.70	x
269	Hồ Thị Hồng	Linh	15131058	5.80	6.80	5.50	6,30	2.40	5.40	
270	Hoàng Thị Thùy	Linh	17126064	6.20	8.80	7.80	3,80	5.80	6.50	
271	Huỳnh Thị Trúc	Linh	18122112	7.00	7.90	6.60	3,10	7.80	6.50	
272	Lê Cảnh	Linh	15124143	6.70	7.00	5.50	6,30	7.60	6.60	x
273	Lê Diệu	Linh	16120130	6.80	7.30	1.10	5,00	5.00	5.00	
274	Lê Thị Mỹ	Linh	16125275	5.30	7.80	6.00	5,80	7.50	6.50	x
275	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	17125136	3.70	2.40	0.60	3,80	0.90	2.30	
276	Nguyễn Hoài	Linh	16137048	7.20	5.90	5.90	2,10	5.60	5.30	
277	nguyễn thị	linh	15112069	6.00	4.40	2.10	7,80	1.40	4.30	
278	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	16145207	7.00	7.10	7.10	7,10	6.00	6.90	x
279	Nguyễn Thị Thảo	Linh	16125281	6.20	4.60	2.40	1,60	1.90	3.30	
280	Phan Văn	Linh	14120129	6.70	7.40	6.00	6,00	6.00	6.40	x
281	Trương Thị Mỹ	Linh	16155040	4.50	5.00	3.40	6,50	5.40	5.00	
282	Huỳnh Tấn	Lộc	15124154	3.50	4.30	2.50	5,90	0.00	3.20	
283	Nguyễn Hữu	Lộc	16116099	7.20	4.80	3.50	4,80	3.50	4.80	
284	Nguyễn Đức Phước	Lộc	14112170	6.50	8.00	5.00	6,00	5.00	6.10	x
285	Phan Tấn	Lộc	17154053	6.70	7.60	7.80	8,60	7.30	7.60	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
286	Dương Thị Bích	Loan	18131031	6.00	6.50	1.10	6,50	1.40	4.30	
287	Lâm Thị Thúy	Loan	15127063	7.00	6.50	6.80	6,80	5.80	6.60	x
288	Thái Hồng Thanh	Loan	17149079	6.00	7.00	1.10	6,40	1.40	4.40	
289	Trương Thị Hồng	Loan	16120142	6.50	5.50	4.50	6,00	5.60	5.60	
290	Hồ Sỹ	Long	16132334	6.00	3.80	2.10	5,00	6.00	4.60	
291	Lê Hoàng	Long	14116117	6.50	6.30	5.00	,00	1.40	3.80	
292	Lê Quang	Long	15116081	6.70	8.50	8.00	8,90	6.80	7.80	x
293	Phạm Thanh	Long	14111102	5.70	1.40	4.00	,00	6.40	3.50	
294	Rmah H'	Long	17127099	7.50	5.00	6.30	5,50	7.50	6.40	x
295	Trần Thanh	Long	17115066	7.20	3.00	7.00	5,50	5.40	5.60	
296	lê thị	lương	15112077	5.80	1.90	3.40	6,60	0.00	3.50	
297	Phạm Thị Huỳnh	Lưu	17124098	6.80	6.50	6.30	8,00	7.50	7.00	x
298	Nguyễn Thị Thu	Lợi	17163036	6.30	6.50	5.80	6,80	7.60	6.60	x
299	Trần Văn	Luận	17125142	7.30	6.50	5.00	6,00	2.40	5.40	
300	Lê Tấn	Luật	16145215	6.30	6.60	5.00	7,30	5.00	6.00	x
301	Nguyễn Thành	Luân	14138019	6.50	5.50	3.50	6,30	1.40	4.60	
302	Cao Thị Khánh	Ly	16116102	5.80	7.10	3.10	6,80	5.00	5.60	
303	Đặng Thị Trúc	Ly	15126073	6.30	6.50	4.00	4,30	5.50	5.30	
304	Nguyễn Thị	Ly	17132037	5.20	8.50	3.50	7,50	9.30	6.80	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
305	Nguyễn Thị Khánh	Ly	17126069	6.50	8.10	5.60	7,10	6.80	6.80	x
306	Nguyễn Thị Ly	Ly	15124160	5.70	6.30	8.40	7,30	9.80	7.50	x
307	Nguyễn Thị Thảo	Ly	16131118	5.00	5.90	6.50	6,10	4.10	5.50	
308	Nguyễn Thị Trúc	Ly	15112905	6.20	7.10	6.00	6,50	5.50	6.30	x
309	Trần Thị	Ly	17139077	7.20	6.30	2.40	5,30	7.40	5.70	
310	Nguyễn Thị Thiên	Lý	18122125	7.20	8.10	6.80	6,00	6.00	6.80	x
311	Nguyễn Ngọc	Mẫn	15124165	6.30	5.90	1.90	,40	4.10	3.70	
312	Nguyễn Thanh	Mẫn	16112612	8.70	6.80	8.30	7,10	5.50	7.30	x
313	Đoàn Thị Bạch	Mai	17115067	8.00	7.50	8.80	7,50	5.50	7.50	x
314	Nguyễn	Mai	16138056	6.00	5.30	2.10	6,80	7.60	5.60	
315	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	16124091	4.80	6.60	5.00	6,10	6.00	5.70	
316	Phan Thị Thu	Mai	16113216	7.70	8.50	7.60	7,30	6.40	7.50	x
317	Đặng Đức	Minh	16111095	6.20	6.30	1.90	1,90	1.90	3.60	
318	Nguyễn Văn	Minh	17113115	8.20	8.00	8.00	8,60	8.30	8.20	x
319	Nguyễn Vũ	Minh	16122186	5.80	5.30	5.00	8,00	0.00	4.80	
320	Phạm Đặng Tiến	Minh	16139121	6.50	6.60	2.10	7,00	5.50	5.50	
321	Trần Công	Minh	15113247	4.30	2.60	5.90	6,60	3.10	4.50	
322	Trịnh Đình	Minh	13153014	4.00	2.60	1.60	4,00	0.00	2.40	
323	Nguyễn Như	Mụi	17126076	7.30	5.00	4.60	5,40	3.10	5.10	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
324	Châu Thị Yến	My	16124095	6.20	7.80	5.50	6,50	3.50	5.90	
325	Lê Võ Hoàng	My	15112083	5.70	5.00	5.90	5,00	7.80	5.90	x
326	Nguyễn Thị Trà	My	16122192	4.70	0.00	1.40	1,40	2.40	2.00	
327	Phạm Lê	My	17120094	6.80	6.00	6.00	6,80	5.00	6.10	x
328	Trần Nguyễn Trúc	My	17126081	7.00	6.80	6.50	6,30	7.30	6.80	x
329	Diệp Thị Ái	MỸ	18122135	5.30	7.50	5.80	7,80	3.50	6.00	
330	Nguyễn Hồng	Mỹ	16125325	6.70	7.80	3.60	6,60	5.00	5.90	
331	Lý Chiều	Đặng	15113011	6.70	6.40	4.40	6,10	6.00	5.90	
332	Lê Hoàn Tấn	Đạt	17127012	6.30	6.60	8.30	5,00	6.80	6.60	x
333	Đặng Văn	Đạt	18454002	6.30	8.80	6.10	7,80	6.80	7.20	x
334	Nguyễn Tấn	Đạt	17113016	6.80	8.00	8.80	6,60	8.80	7.80	x
335	Nguyễn Quốc	Đạt	16114002	6.80	7.80	7.30	8,00	7.30	7.40	x
336	Phạm Huy	Đạt	16115026	6.30	4.90	1.60	3,10	5.60	4.30	
337	Trần Quang	Đạt	16154017	7.50	6.10	4.10	6,40	7.90	6.40	
338	Đàm Quang	Nam	17124106	5.30	6.80	5.60	6,60	6.90	6.20	x
339	Nguyễn Hoàng	Nam	15139074	5.30	5.60	0.40	1,90	5.00	3.60	
340	Nguyễn Ngọc	Nam	15113068	6.30	7.40	4.50	7,40	6.80	6.50	
341	Nguyễn Văn	Nam	14115077	5.80	7.90	6.30	8,50	5.40	6.80	x
342	Trần Hoài	Nam	17127042	8.20	5.60	6.50	7,50	9.50	7.50	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
343	Nguyễn Thị Đan	Đan	14112054	5.70	5.90	6.30	8,80	5.60	6.50	x
344	Nguyễn Thị Trang	Đài	14124046	6.20	6.00	4.00	7,30	3.50	5.40	
345	Trần Thị Hồng	Đào	15132011	6.80	7.60	7.10	6,30	7.80	7.10	x
346	Tounẻh	Naria	15126197	5.70	4.00	3.80	6,50	8.10	5.60	
347	Lê Trịnh Hàng	Ni	18122190	5.30	6.30	5.00	7,80	2.60	5.40	
348	Trần Văn	Điền	16111031	6.70	6.10	3.40	5,60	3.10	5.00	
349	Bùi Thị Mộng	Điệp	17112023	6.80	6.80	3.50	5,50	6.00	5.70	
350	Nguyễn Thành	Đô	17154017	6.00	5.60	1.60	6,80	8.90	5.80	
351	Dương Văn	Định	16112247	6.00	8.30	4.50	7,00	3.80	5.90	
352	Đặng Trần Hồng	Nữ	15149189	6.00	5.60	4.10	3,90	6.80	5.30	
353	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	17423015	8.00	7.90	7.10	6,90	6.40	7.30	x
354	Lê Hữu Anh	Đức	14111043	5.50	6.10	6.50	6,40	6.10	6.10	x
355	Lê Phan Nguyễn Thọ	Đức	15138015	5.50	4.80	2.00	5,50	5.50	4.70	
356	Nguyễn Hữu	Đức	16120046	6.20	5.90	2.40	4,60	9.30	5.70	
357	Nguyễn Trung	Đức	16113021	6.20	7.50	4.60	6,10	6.50	6.20	
358	Nguyễn Văn Khánh	Đức	16145176	5.30	3.30	3.00	3,80	7.50	4.60	
359	Võ Thị Thanh	Nga	16113081	6.80	8.00	5.60	7,80	7.30	7.10	x
360	Dương Tuyết	Ngân	17113126	6.00	6.50	4.00	7,30	6.60	6.10	
361	Nguyễn Lê Thu	Ngân	16112630	6.50	8.50	7.10	8,60	7.90	7.70	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
362	Phan Thị Tuyết	Ngân	17125171	5.00	5.60	5.00	6,40	6.10	5.60	x
363	Trương Thị Thanh	Ngân	17123063	6.80	5.90	4.50	8,50	7.40	6.60	
364	Đỗ Thị	Ngà	17112304	7.50	6.90	5.00	7,40	7.80	6.90	x
365	Nguyễn Huỳnh Đông	Nghi	15123055	6.00	4.50	1.40	4,00	6.80	4.50	
366	Nguyễn Trung	Nghĩa	17163045	6.20	5.60	3.60	7,30	6.60	5.90	
367	Phan Hữu	Nghĩa	14111275	7.30	7.40	1.90	6,90	2.60	5.20	
368	Nông Thị	Ngoan	16112814	6.30	4.30	6.50	6,50	5.60	5.80	
369	Dương Khánh	Ngọc	17128088	5.20	6.90	5.50	4,50	1.90	4.80	
370	Hán Nữ Hồng	Ngọc	14163007	6.70	4.50	3.00	7,10	8.00	5.90	
371	Lâm Thị Mỹ	Ngọc	16125342	6.00	6.60	3.40	6,50	9.60	6.40	
372	Lê Thị Hồng	Ngọc	15125143	5.30	7.30	7.80	6,30	5.30	6.40	x
373	Đào Châu	Ngọc	16113084	6.80	5.00	3.50	5,00	6.60	5.40	
374	Đỗ Bích	Ngọc	17123065	8.20	8.40	8.30	7,60	8.00	8.10	x
375	Nguyễn Thị Như	Ngọc	17423014	7.70	9.00	8.30	7,60	8.80	8.30	x
376	Phạm Thị Kim	Ngọc	15124183	6.30	6.40	5.60	6,90	7.30	6.50	x
377	Phan Mỹ	Ngọc	16113087	6.70	6.00	5.50	5,50	8.00	6.30	x
378	Trần Thị Mỹ	Ngọc	15112093	7.30	5.90	8.30	7,00	6.90	7.10	x
379	Trương Minh	Ngon	15114106	5.80	6.10	6.10	6,10	5.90	6.00	x
380	Lê Thị Anh	Nguyệt	15123061	7.80	6.30	5.00	8,30	8.80	7.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
381	Trần Thị Thu	Nguyệt	17120106	5.50	7.50	7.40	8,60	5.90	7.00	x
382	Lê Anh	Nguyên	15112443	3.70	5.60	6.10	7,10	6.10	5.70	
383	Lê Từ	Nguyên	14118206	6.80	5.30	5.00	5,00	6.30	5.70	x
384	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	17128089	7.30	8.50	5.80	7,00	7.80	7.30	x
385	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	16123148	6.20	7.80	7.30	7,00	8.30	7.30	x
386	Trần Thảo	Nguyên	14122092	5.70	6.40	6.50	7,00	6.50	6.40	x
387	Vũ Hoàng Thảo	Nguyên	14112210	6.00	7.80	7.00	9,00	6.40	7.20	x
388	Đỗ Huỳnh Cát	Nhật	17128092	7.00	6.30	4.50	6,30	5.50	5.90	
389	Nguyễn Minh	Nhật	17128093	8.00	9.00	9.30	8,60	7.30	8.40	x
390	Hồ Văn	Nhân	16131154	5.30	8.00	7.80	7,00	7.00	7.00	x
391	Lê Quang	Nhân	17125191	8.50	7.60	3.60	8,60	7.80	7.20	
392	Lưu Thế	Nhân	14153038	6.30	5.90	5.00	6,40	2.60	5.20	
393	Đặng Danh	Nhân	18118096	6.30	8.10	6.90	8,60	5.90	7.20	x
394	Trần Nguyễn Trọng	Nhân	15115113	5.00	4.30	0.40	3,00	6.30	3.80	
395	Trần Thị Mỹ	Nhân	16123261	7.30	7.30	2.90	7,80	6.90	6.40	
396	TrầnTrọng	Nhân	17118070	5.70	6.60	3.60	6,10	6.40	5.70	
397	Trần Thị Thanh	Nhã	15120106	6.20	4.90	2.60	2,40	9.30	5.10	
398	Trần Lê Cẩm	Nhàn	16128063	7.20	8.60	8.40	6,40	5.60	7.20	x
399	Huỳnh Thị Kiều	Nhi	17115076	6.70	6.80	3.10	6,40	5.00	5.60	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
400	Lê Nguyễn Lan	Nhi	16123150	6.20	7.60	8.00	5,80	7.40	7.00	x
401	Đặng Thị Bé	Nhi	15155043	6.00	7.30	5.00	6,80	8.10	6.60	x
402	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	17155038	5.50	7.80	2.10	5,50	5.90	5.40	
403	Nguyễn Hoàng Ý	Nhi	16112438	5.50	5.90	5.60	,90	2.40	4.10	
404	Trần Nguyễn Yến	Nhi	16113093	6.20	6.50	1.40	6,50	8.30	5.80	
405	Trần Thị Yến	Nhi	15124196	5.30	2.10	1.40	5,40	5.00	3.80	
406	Phạm Thanh	Nhị	16115121	5.00	5.90	4.40	7,50	5.50	5.70	
407	Bùi Thị Quỳnh	Như	15163049	5.70	6.50	4.40	7,90	5.60	6.00	
408	Huỳnh Thị Huỳnh	Như	16116137	5.70	6.50	5.00	6,80	8.00	6.40	x
409	Mai Quỳnh	Như	16128070	6.20	7.80	6.50	7,00	5.90	6.70	x
410	Nguyễn Dương Minh	Như	17112143	6.70	8.10	8.00	8,60	9.40	8.20	x
411	Nguyễn Ngọc Khánh	Như	17128099	7.70	8.80	3.60	8,60	5.40	6.80	
412	Nguyễn Thị Ngọc	Như	17120117	6.00	7.00	5.00	5,40	7.50	6.20	x
413	Nguyễn Thị Thúy	Như	15131097	5.80	8.00	2.40	6,30	5.30	5.60	
414	Phan Thị Huỳnh	Như	17122110	7.80	9.00	6.00	5,80	6.80	7.10	x
415	Trần Long	Nhựt	17118074	4.20	5.10	0.60	7,00	6.10	4.60	
416	Nguyễn Thị	Nhớ	16112439	3.80	6.00	5.00	6,50	2.60	4.80	
417	Nguyễn Hồng	Nhung	17125206	7.30	9.60	8.60	9,40	6.10	8.20	x
418	Nguyễn Thị	Nhung	17113143	6.50	5.00	4.10	1,40	5.40	4.50	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
419	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	17113144	7.00	8.00	6.60	6,60	5.30	6.70	x
420	Phan Thị Tuyết	Nhung	17114084	5.00	8.50	5.40	8,60	5.00	6.50	x
421	Vũ Thị Hồng	Nhung	17155043	6.30	5.00	0.40	5,30	6.30	4.70	
422	Bàn Thị	Oanh	15111103	5.30	5.50	4.00	,60	6.90	4.50	
423	Hoàng Thị	Oanh	17124126	7.20	9.40	7.90	8,80	5.40	7.70	x
424	Lê Thị	Oanh	17122116	5.80	6.50	2.10	3,50	10.00	5.60	
425	Võ Lê Hoàng	Oanh	14114253	5.30	3.60	4.40	6,40	2.60	4.50	
426	Hứa Thị	Phấn	15111106	8.00	6.80	3.30	6,80	5.00	6.00	
427	Nguyễn Tấn	Phát	14126178	6.80	6.50	6.50	8,80	5.00	6.70	x
428	Nguyễn Ngọc	Phi	14116174	7.20	6.50	4.00	8,80	3.50	6.00	
429	Đào Thanh	Phong	16131177	5.50	6.30	3.00	5,50	5.00	5.10	
430	Đỗ Thanh	Phong	18138063	6.00	1.60	2.40	,90	0.90	2.40	
431	Nguyễn Thanh	Phong	15118079	6.30	9.10	7.10	8,10	8.30	7.80	x
432	Thái Vĩnh	Phong	14113319	5.80	5.30	1.40	2,60	2.40	3.50	
433	Lê Thị	Phượng	17115085	7.20	7.10	4.00	7,10	2.10	5.50	
434	Lê Thị Kim	Phượng	17123082	6.00	7.50	8.50	8,40	8.50	7.80	x
435	Võ Hồng	Phượng	18139156	6.20	5.00	0.90	6,50	3.50	4.40	
436	Nguyễn Duy	Phương	17124137	5.00	8.30	6.80	7,00	5.00	6.40	x
437	Nguyễn Hiền	Phương	16112667	6.30	7.60	6.60	8,60	6.60	7.10	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
438	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Phương	18115076	6.80	6.40	4.10	2,40	4.60	4.90	
439	Trần Thanh	Phương	18122208	6.20	7.30	4.60	6,50	3.90	5.70	
440	Trần Thị Mỹ	Phương	17113153	6.70	9.00	8.30	5,40	6.60	7.20	x
441	Trần Trương Nhã	Phương	17139114	7.70	6.10	5.60	7,80	7.90	7.00	x
442	Lê Tuấn	Phước	15112449	5.00	7.90	2.10	5,30	6.10	5.30	
443	Phạm Hữu	Phước	15127095	6.20	6.80	3.90	6,80	5.00	5.70	
444	Trần An	Phước	16112443	6.20	5.00	5.60	6,10	3.10	5.20	
445	Nguyễn Thị	Phóng	16120193	5.50	6.30	4.00	6,30	7.40	5.90	
446	Hồ Thị Kim	Phụng	15131105	6.30	2.10	1.10	6,80	7.80	4.80	
447	Nguyễn	Phụng	16149105	6.30	6.80	8.00	7,50	6.10	6.90	x
448	Trần Thị Mỹ	Phụng	15131106	5.70	7.00	4.00	6,50	6.80	6.00	
449	Nguyễn Thị Thanh	Phú	16120195	5.80	8.50	7.30	8,60	7.80	7.60	x
450	Cao Minh	Phúc	16137061	6.80	6.10	6.80	6,80	8.30	7.00	x
451	Huỳnh Ngô Hồng	Phúc	15127093	5.00	6.50	3.00	1,90	0.00	3.30	
452	Trần Huỳnh Gia	Phúc	14124237	8.80	7.00	3.30	6,00	6.00	6.20	
453	Nguyễn Văn	Quấn	14113389	5.00	5.60	4.10	6,60	6.60	5.60	
454	Huỳnh Anh	Quân	16137064	6.50	8.00	6.30	7,40	8.80	7.40	x
455	Nguyễn Minh	Quân	17155049	7.20	8.10	8.30	7,40	7.10	7.60	x
456	Nguyễn Tấn	Quân	17115088	6.30	6.30	2.40	6,50	0.90	4.50	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
457	Vũ Hải	Quân	15118083	6.50	7.30	4.30	6,40	6.80	6.30	
458	Lương Nhật	Quang	14126189	6.50	7.80	5.00	7,30	6.50	6.60	x
459	Nguyễn Đình	Quang	13115345	7.00	7.40	6.50	6,80	6.00	6.70	x
460	Nguyễn Trọng	Quí	14124257	8.20	7.60	6.60	6,40	5.90	6.90	x
461	Phan Phú	Quí	16126149	7.20	6.30	0.90	4,00	8.00	5.30	
462	Huỳnh Phương	Quyên	14112250	5.50	5.00	2.50	6,00	5.00	4.80	
463	Lê Nguyễn Ái	Quyên	17126118	6.70	6.10	7.40	6,50	9.40	7.20	x
464	Lê Thị Ngọc	Quyên	16120206	5.70	4.00	1.60	,90	8.00	4.00	
465	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	16125415	5.70	7.80	6.80	6,80	8.00	7.00	x
466	Lưu Thị Như	Quỳnh	17128111	6.00	4.00	3.50	5,00	5.00	4.70	
467	Phan Thị Thu	Quỳnh	18139162	5.70	6.60	2.10	7,50	2.10	4.80	
468	TrỊnh Thị Liễu	Quỳnh	17126120	7.30	8.80	5.50	6,50	9.30	7.50	x
469	Võ Thị Như	Quỳnh	17131107	6.80	8.00	3.10	5,60	7.00	6.10	
470	Đinh Văn	Quý	14132210	7.50	7.80	5.60	5,40	1.90	5.60	
471	Biện Văn	Sâm	15127105	7.20	8.10	5.00	6,80	7.40	6.90	x
472	Nguyễn Thị Mỹ	Sang	17112177	4.70	7.30	5.60	6,10	5.80	5.90	
473	Nguyễn Hoài	Sang	16112339	7.20	7.50	6.80	6,50	5.60	6.70	x
474	Phan Thị Thu	Sang	17120145	6.70	8.00	7.30	6,50	7.00	7.10	x
475	Trần Ngọc	Sang	18139164	5.20	7.90	1.90	6,50	1.90	4.70	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
476	Trần Thanh	Sang	17113166	6.00	3.40	5.00	6,10	7.40	5.60	
477	Võ Thành	Sang	16114284	4.70	6.50	4.90	5,10	5.60	5.40	
478	Lê Thị Hoài	Sinh	15114136	7.30	5.50	2.10	3,50	3.50	4.40	
479	Phạm Thị	Sinh	15125190	5.30	6.80	4.00	6,50	8.30	6.20	
480	Nguyễn Văn	Sữa	18139165	6.20	6.50	1.90	2,40	0.40	3.50	
481	Hà Thị Thu	Sương	16112690	6.00	7.00	1.90	6,30	7.50	5.70	
482	Phạm Thị Tuyết	Sương	15121048	6.70	4.40	3.60	8,30	5.10	5.60	
483	Trần Thị Tuyết	Sương	17163060	5.70	5.00	2.40	7,90	6.30	5.50	
484	Võ Thị Kim	Sương	17125242	6.50	8.30	8.40	7,40	5.60	7.20	x
485	Hoàng Thanh	Sơn	15116134	6.20	3.00	1.90	5,80	2.40	3.90	
486	Nguyễn Ngự	Sơn	14111148	6.50	6.00	2.60	5,00	4.00	4.80	
487	Phạm Minh	Sơn	17113168	6.30	7.60	4.00	4,00	8.80	6.10	
488	Phan Hồng	Sơn	15112454	7.20	6.30	3.00	7,50	5.00	5.80	
489	Nguyễn Văn	Sỹ	16124249	6.00	8.10	7.10	7,10	5.10	6.70	x
490	Huỳnh Tấn	Tấn	18423014	6.20	6.50	4.90	4,80	3.30	5.10	
491	Lê Thị	Tấn	17424035	6.80	6.60	5.30	7,40	5.30	6.30	x
492	Đặng Hoàng	Tấn	17115093	4.00	6.00	2.00	1,90	6.50	4.10	
493	Nguyễn Minh	Tâm	18118122	7.50	9.10	9.40	9,00	7.50	8.50	x
494	Trần Thị Thanh	Tâm	16113117	6.70	6.60	5.60	6,60	6.10	6.30	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
495	Vương Minh	Tâm	18424018	5.50	4.80	0.60	3,00	2.40	3.30	
496	Vũ Phúc	Tâm	17120151	6.50	8.80	7.00	9,00	5.80	7.40	x
497	Lê Minh	Tân	17120152	5.80	8.40	6.90	8,60	6.00	7.10	x
498	Nguyễn Văn	Tân	17124151	7.20	7.80	5.00	8,00	5.80	6.80	x
499	Giàng A	Tỉnh	16113148	6.30	6.40	3.80	8,50	6.90	6.40	
500	Hồ Minh	Tạo	17128117	6.20	7.90	8.00	8,60	8.80	7.90	x
501	Trần Duy	Tam	15112141	6.00	6.10	5.30	7,10	7.80	6.50	x
502	Nguyễn Hữu	Tài	17113174	7.50	8.60	8.80	7,40	8.40	8.10	x
503	Nguyễn Tấn	Tài	16116179	7.30	4.90	3.30	8,60	7.40	6.30	
504	LạiThị Bích	Tiền	18125366	6.20	7.90	5.90	8,60	6.50	7.00	x
505	Dương Minh	Tiến	18118152	5.70	7.00	4.60	6,30	2.00	5.10	
506	Hoàng Thị Mỹ	Tiến	17122167	6.20	7.00	4.40	8,60	3.30	5.90	
507	Đặng Quốc	Tiến	15163075	5.70	7.40	4.00	7,80	7.80	6.50	
508	Đinh Văn	Tiến	17128144	8.20	8.40	7.00	6,10	6.80	7.30	x
509	Nguyễn Minh	Tiến	14131183	5.50	6.80	4.60	,00	3.50	4.10	
510	Nguyễn Trọng	Tiến	17153070	6.20	7.50	6.60	6,90	4.30	6.30	
511	Trần Đức	Tiến	15124309	6.00	6.80	3.80	4,00	4.50	5.00	
512	Nguyễn Khánh	Tiên	16163073	6.20	7.00	4.80	1,50	3.00	4.50	
513	Nguyễn Thị Kiều Ph	Tiên	15131134	4.70	6.40	4.10	8,00	1.80	5.00	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
514	Trương Thị Cẩm	Tiên	16116210	6.20	1.50	3.30	8,80	6.10	5.20	
515	Nguyễn Thị Ngọc	Tình	17128145	5.20	6.00	1.30	8,40	2.00	4.60	
516	Nguyễn Văn	Tình	14124355	6.80	4.30	3.80	7,60	7.60	6.00	
517	Nguyễn Thành	Tính	15112291	6.20	6.30	5.00	8,40	7.30	6.60	x
518	Lâm Phương	Toàn	15122224	5.70	6.60	2.00	1,00	2.80	3.60	
519	Phạm Minh	Toàn	16128113	7.20	8.80	7.90	7,60	7.40	7.80	x
520	Phan Nguyễn Trung	Toàn	17153074	7.00	8.40	3.30	7,10	7.80	6.70	
521	Tô Anh	Toàn	14131186	7.30	8.10	5.60	8,90	5.00	7.00	x
522	Phan Văn	TỊnh	17125305	7.30	7.30	6.30	6,40	1.80	5.80	
523	Võ Văn	Tịnh	15112247	7.30	7.90	2.80	1,00	2.80	4.40	
524	Hoàng Trung	Tướng	15118128	6.80	7.50	4.40	8,40	3.00	6.00	
525	Lê Thanh	Tuấn	13112356	7.20	7.80	5.00	8,00	5.50	6.70	x
526	Lê Văn	Tuấn	17153078	6.50	8.30	5.00	2,00	8.80	6.10	
527	Ngô Võ Anh	Tuấn	15112179	6.80	5.40	6.60	5,00	7.90	6.30	x
528	Nguyễn Văn	Tuấn	17125340	6.30	9.30	9.60	8,90	7.40	8.30	x
529	Nguyễn Phan	Tuấn	18454012	6.30	5.60	2.50	6,40	0.00	4.20	
530	Lê Văn	Tùng	17154118	5.00	8.10	3.90	8,80	2.00	5.60	
531	Ngô Xuân	Tùng	14155131	7.30	6.60	6.90	6,40	5.40	6.50	x
532	Nguyễn Đình	Tùng	15138071	5.50	6.10	4.60	,00	7.00	4.60	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
533	Nguyễn Phan Ngọc	Tùng	14123097	7.00	8.60	6.60	8,40	9.30	8.00	x
534	Phạm Cao Thanh	Tùng	17127091	8.00	7.50	8.80	8,60	8.60	8.30	x
535	Thái Thanh	Tùng	16145275	6.70	8.80	2.10	8,60	7.80	6.80	
536	Bùi Văn	Tú	17113241	6.80	4.10	5.00	6,40	3.30	5.10	
537	Hoàng Minh Cẩm	Tú	18424020	4.70	7.10	5.30	7,40	7.10	6.30	
538	Lê Thị Ngọc	Tú	16155086	5.70	5.00	5.00	6,90	6.80	5.90	x
539	Nguyễn Thanh	Tú	16116225	4.80	7.50	5.00	8,60	5.00	6.20	
540	Phan Nữ Cẩm	Tú	16139234	5.80	5.30	3.80	7,40	8.30	6.10	
541	Võ Thị Hồng	Tú	15132122	6.80	6.30	5.50	1,40	8.30	5.70	
542	Dương Bích	Tuyền	15131157	6.00	6.90	4.50	,00	1.30	3.70	
543	Mạc Thị Thu	Tuyền	17424046	5.00	5.50	1.90	8,40	2.00	4.60	
544	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	17163079	4.30	2.10	3.80	2,00	2.30	2.90	
545	Nguyễn Ngọc	Tuyền	16125548	7.00	4.30	6.00	4,30	6.90	5.70	
546	Nguyễn Thanh	Tuyền	16115198	5.20	4.30	3.80	4,80	6.40	4.90	
547	Trần Thị Thanh	Tuyền	16122368	6.00	6.00	3.60	,50	5.50	4.30	
548	Cao Thị Anh	Tuyết	15112299	6.80	5.40	1.60	6,40	7.00	5.40	
549	Nguyễn Ngọc	Tuyết	17122201	6.80	9.10	8.30	7,30	6.80	7.70	x
550	Nguyễn Thị Mộng	Tuyết	16115200	6.30	7.30	5.80	9,00	6.50	7.00	x
551	Nguyễn Hữu	Tuyên	14124401	4.80	3.40	4.10	9,00	6.10	5.50	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
552	Phan Mạnh	Tuyên	14155129	6.20	6.00	1.80	7,80	3.30	5.00	
553	Huỳnh Thị Thanh	Thắm	14132223	6.00	7.30	5.30	8,90	5.00	6.50	x
554	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	17163061	6.20	6.80	5.00	5,30	9.10	6.50	x
555	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	17149140	7.70	7.50	3.30	,00	3.50	4.40	
556	Nguyễn Trần Hồng	Thắm	17126130	6.30	7.90	5.90	8,30	7.80	7.20	x
557	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	16123181	5.80	8.30	4.10	9,00	4.30	6.30	
558	Trần Thị Hồng	Thắm	16131207	4.70	2.60	4.30	6,40	8.00	5.20	
559	Hà Văn	Thắng	16118143	7.00	7.00	5.40	5,00	8.90	6.70	x
560	Nguyễn Đức	Thắng	14115373	5.70	5.60	2.80	3,00	6.90	4.80	
561	Lê Thị Yến	Thanh	15132097	7.70	7.50	6.10	8,50	5.00	7.00	x
562	Ngô Chí	Thanh	15127115	5.50	7.40	4.30	8,00	3.30	5.70	
563	Nguyễn Thị Phương	Thanh	17155054	7.20	9.00	7.30	7,60	8.30	7.90	x
564	Tô	Thanh	16153082	6.70	7.30	7.30	7,80	4.30	6.70	
565	Trần Thị Thanh	Thanh	17115098	8.70	9.40	7.30	8,40	6.30	8.00	x
566	Trần Thị Mỹ	Thanh	16112705	5.00	7.80	5.80	7,30	5.80	6.30	x
567	Hoàng Uyên	Thao	16125446	6.00	7.00	5.00	6,90	9.30	6.80	x
568	Huỳnh Viết	Thành	16139181	7.30	8.60	8.60	8,60	6.30	7.90	x
569	Lê Việt	Thành	16124147	6.20	7.60	5.10	8,10	5.00	6.40	x
570	Đoàn Phước	Thành	16111196	6.00	5.10	6.30	8,00	5.80	6.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
571	Đoàn Tấn	Thành	17118100	6.30	6.40	2.10	8,40	3.00	5.20	
572	Nguyễn Lê Trung	Thành	15124268	8.20	6.80	9.00	8,90	6.60	7.90	x
573	Võ Trí	Thành	16145255	7.70	8.30	4.60	6,90	7.30	7.00	
574	Hà Duy	Thái	14153124	6.70	8.40	5.40	8,50	5.40	6.90	x
575	Bùi Thị Thu	Thảo	17115100	6.50	8.40	5.50	8,60	7.40	7.30	x
576	Lê Dương Phương	Thảo	18112194	7.50	9.10	6.40	8,60	7.30	7.80	x
577	Lê Phương	Thảo	17128121	8.30	7.10	6.50	8,60	7.50	7.60	x
578	Lê Thị Phương	Thảo	16125448	6.00	2.90	1.30	8,40	5.50	4.80	
579	Ngô Thị Thu	Thảo	18125322	6.50	9.00	6.90	9,00	5.80	7.40	x
580	Nguyễn Xuân	Thảo	17113196	7.00	5.90	5.30	8,90	8.50	7.10	x
581	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18424019	6.00	6.00	4.40	8,50	5.60	6.10	
582	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15120158	7.20	7.30	6.40	6,40	8.10	7.10	x
583	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16113221	5.70	7.60	4.10	8,10	6.80	6.50	
584	Nguyễn Thị Thu	Thảo	17424040	5.50	7.00	1.90	6,60	5.00	5.20	
585	Phạm Nguyễn Kim	Thảo	14112276	6.50	7.00	3.40	,00	7.60	4.90	
586	Phạm Trần Ngọc	Thảo	15162046	5.30	7.40	2.50	9,00	5.60	6.00	
587	Trần Đỗ Phương	Thảo	12128138	7.30	5.80	5.40	8,40	2.00	5.80	
588	Trần Thị Bích	Thảo	17122151	5.30	6.40	2.90	8,60	7.90	6.20	
589	Vũ Thùy Phương	Thảo	15163065	3.80	7.60	6.30	8,50	2.00	5.60	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
590	Đỗ Lê Xuân	Thi	14123080	6.20	6.00	3.90	8,30	2.40	5.40	
591	Nguyễn Thị	Thi	15127118	5.80	8.30	5.00	5,00	8.00	6.40	x
592	Phạm Thị Mai	Thi	14112283	6.80	9.10	8.00	8,60	7.80	8.10	x
593	Quảng Thị Lâm	Thi	17115101	6.70	8.60	6.00	8,60	5.00	7.00	x
594	Neàng Kunh	Thia	16145296	4.30	3.00	2.90	2,80	5.00	3.60	
595	Chu Đức	Thiện	15137054	7.70	6.60	5.40	9,00	4.30	6.60	
596	Đoàn Minh	Thiện	17127068	7.80	7.40	5.00	9,00	7.10	7.30	x
597	Nguyễn Thanh	Thiện	15111140	7.00	6.50	4.00	8,90	2.00	5.70	
598	Phạm Hữu	Thiện	16112804	4.50	3.60	3.90	,00	3.30	3.10	
599	Huỳnh Ngọc Thanh	Thư	16149129	6.50	5.30	5.50	8,40	9.40	7.00	x
600	Nguyễn Thị Anh	Thư	17149153	6.50	4.80	2.40	6,00	7.30	5.40	
601	Nguyễn Anh	Thư	16128106	6.30	6.90	5.30	6,90	5.50	6.20	x
602	Trần Thị Anh	Thư	17120177	5.70	7.00	5.10	8,00	4.00	6.00	
603	Nguyễn Tri	Thông	17111138	6.70	5.50	4.00	9,00	6.10	6.30	
604	Nguyễn Thế	Thông	16111211	5.30	7.50	6.30	8,60	7.50	7.00	x
605	Phan Hữu	Thông	15112159	6.30	7.50	1.30	8,50	4.40	5.60	
606	Võ Đình	Thông	15131126	5.30	5.60	4.90	8,40	3.00	5.40	
607	Nguyễn Thế	Thịnh	16120244	7.50	7.80	5.50	7,00	5.50	6.70	x
608	Nguyễn Văn	Thịnh	16113134	6.70	8.90	7.90	8,60	9.10	8.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
609	Trần Quốc	Thịnh	15112157	5.80	6.60	5.00	7,90	5.60	6.20	x
610	Trần Quốc	Thịnh	16116194	6.80	6.40	7.30	6,50	7.10	6.80	x
611	Lâm Ngọc	Thương	17125293	7.50	8.60	9.60	8,90	7.80	8.50	x
612	Lê Thị Hoài	Thương	17111143	7.20	5.40	4.00	8,50	7.00	6.40	
613	Nguyễn Thị Phương	Thương	15116160	6.00	0.00	1.10	1,50	5.00	2.70	
614	Trương Thị	Thương	16112723	7.30	7.50	6.30	7,90	6.10	7.00	x
615	Võ Ngọc	Thương	16137081	7.80	4.60	5.10	8,40	2.30	5.60	
616	Nguyễn Công	Thức	17137067	5.50	3.10	3.30	8,00	9.30	5.80	
617	Phạm Trần Duy	Thức	15128110	6.30	7.50	3.50	8,40	3.30	5.80	
618	Trảo Văn	Thức	14124597	5.70	6.00	7.90	8,40	5.00	6.60	x
619	Kim Thị	Thơm	15125222	6.80	8.60	5.40	8,80	4.30	6.80	
620	Bùi Thị Cẩm	Thu	17125282	6.80	8.60	8.60	8,60	5.50	7.60	x
621	Nay H"	Thu	15145098	5.70	5.00	3.00	3,30	1.50	3.70	
622	Nguyễn Hà	Thu	16123198	6.70	7.40	3.90	7,40	7.50	6.60	
623	Phạm Thị	Thu	16139196	5.70	5.50	2.40	5,30	2.80	4.30	
624	Phạm Thị Lệ	Thu	16120248	7.50	6.50	5.30	8,90	5.00	6.60	x
625	Phan Thị Cẩm	Thu	17113206	5.70	5.10	5.10	8,30	7.40	6.30	x
626	Nguyễn Hồng	Thuấn	16121054	7.50	9.00	7.60	8,90	7.10	8.00	x
627	Lý Thanh	Thuận	17118112	6.20	7.10	5.00	5,40	9.30	6.60	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
628	Nguyễn Phú	Thuận	16124158	6.70	8.50	7.60	5,40	8.80	7.40	x
629	Nguyễn Thanh	Thụy	14122134	6.30	8.80	4.90	8,50	2.30	6.20	
630	Đoàn Thị Kim	Thùy	15128113	8.00	7.60	7.60	7,40	7.30	7.60	x
631	Nguyễn Thị Kim	Thùy	16132393	7.50	7.60	2.80	8,60	3.80	6.10	
632	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	15139124	5.30	7.30	2.30	6,90	8.80	6.10	
633	Huỳnh Đặng Ngọc	Thúy	16139200	7.00	8.10	6.60	9,00	9.30	8.00	x
634	Ngô Thị	Thúy	15125235	6.50	8.60	7.40	8,60	5.00	7.20	x
635	Ngưu Thị Thanh	Thúy	17124176	6.50	7.30	3.60	8,30	6.60	6.50	
636	Nguyễn Thị Xuân	Thúy	17126146	6.50	9.80	2.60	7,80	7.80	6.90	
637	Trần Phương	Thúy	17125296	7.00	9.00	3.30	7,40	10.00	7.30	
638	Trần Thị Thu	Thúy	18123136	6.20	8.40	5.60	8,90	5.00	6.80	x
639	Mã Thị Thanh	Thủy	17120181	6.30	8.40	6.30	8,10	6.50	7.10	x
640	Ngô Thị Bích	Thủy	16111223	4.30	0.00	5.30	1,50	5.60	3.30	
641	Nguyễn Thị Bích	Thủy	18126173	5.70	8.10	4.30	6,80	2.80	5.50	
642	Huỳnh Thị Anh	Thy	18116090	5.70	6.30	2.40	5,80	6.80	5.40	
643	Lý Mỹ	Trâm	15120184	5.30	7.90	3.80	8,50	5.00	6.10	
644	Ngô Bảo	Trâm	15112292	6.50	8.90	7.80	8,30	9.40	8.20	x
645	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	16139207	7.30	7.30	6.50	8,60	8.00	7.50	x
646	Võ Huỳnh Thùy	Trâm	17124192	6.00	4.50	3.10	8,50	8.30	6.10	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
647	Hồ Thị Huyền	Trân	17125314	5.80	8.30	7.60	8,90	5.00	7.10	x
648	Lê Thị Bảo	Trân	17132062	5.50	9.30	2.30	8,60	8.00	6.70	
649	Nguyễn Thị Huyền	Trân	16128179	7.70	8.10	7.40	8,60	7.30	7.80	x
650	Trần Thị Nhã	Trân	18124158	5.30	8.60	6.10	7,80	8.10	7.20	x
651	Võ Phước	Trai	15111156	7.30	8.10	6.80	7,90	8.50	7.70	x
652	Hồ Thị Thùy	Trang	15126158	6.30	8.10	6.40	6,30	3.30	6.10	
653	Đậu Thị Huyền	Trang	15117078	7.00	7.10	6.10	7,80	7.50	7.10	x
654	Đinh Thu	Trang	17122178	6.50	8.10	4.50	6,90	3.00	5.80	
655	Nguyễn Ngọc	Trang	17116168	7.30	3.40	6.40	7,40	7.50	6.40	
656	Nguyễn Thị	Trang	17125318	6.80	6.40	5.30	8,90	6.80	6.80	x
657	Nguyễn Thị	Trang	15115174	6.50	5.00	3.40	8,00	6.30	5.80	
658	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18126187	6.80	9.10	5.30	9,00	6.60	7.40	x
659	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	16131259	5.20	6.00	3.40	8,40	2.80	5.20	
660	Phạm Thị Thùy	Trang	17125321	5.70	8.40	5.00	8,40	9.30	7.40	x
661	Phạm Thị Ngọc	Trang	16123229	6.80	7.30	4.30	8,90	2.00	5.90	
662	Phạm Thị Quỳnh	Trang	15117079	4.50	6.30	4.40	1,50	5.00	4.30	
663	Trần Thị Huyền	Trang	16128122	6.30	8.10	7.30	8,60	9.30	7.90	x
664	Trần Thị Kiều	Trang	16123230	5.30	7.10	5.10	5,00	5.10	5.50	x
665	Trịnh Thị Mai	Trang	16112457	5.20	6.80	7.60	8,10	5.30	6.60	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
666	Trịnh Thị Thùy	Trang	16123231	7.50	7.80	5.00	8,50	5.30	6.80	x
667	Võ Thị Thúy	Trang	17120194	6.20	6.60	3.10	8,30	6.10	6.10	
668	Vũ Thị Huyền	Trang	16128180	5.70	6.40	4.10	,00	6.30	4.50	
669	Mai Thanh	Trà	15127130	4.50	6.30	1.00	7,40	5.00	4.80	
670	Nguyễn Quang	Trà	17125308	7.20	8.10	8.00	6,90	8.30	7.70	x
671	Trần Văn	Trà	17154108	6.50	5.90	5.10	9,00	5.40	6.40	x
672	Nguyễn Hữu	Trán	15118112	6.70	8.60	8.00	7,80	9.30	8.10	x
673	Trương Minh	Tri	17126160	6.20	5.00	5.10	7,90	0.00	4.80	
674	Nguyễn Cao	Trí	17424043	6.20	5.10	6.10	8,60	6.00	6.40	x
675	Nguyễn Lê	Trí	16113153	6.80	6.50	3.90	8,60	8.30	6.80	
676	Phan Thanh	Trí	17424044	6.30	4.00	2.80	8,90	6.10	5.60	
677	Thiều Minh	Trí	17112231	5.70	9.00	6.40	7,00	8.30	7.30	x
678	Vũ Quốc	Trí	14155124	6.30	8.10	5.10	1,50	2.00	4.60	
679	Hà Quang	Triều	15116184	5.30	6.50	2.80	7,30	7.60	5.90	
680	Cil	Trin	16113250	6.70	8.50	7.80	8,00	6.90	7.60	x
681	Châu Thị Ngọc	Trinh	14124385	6.80	7.60	5.10	7,00	5.00	6.30	x
682	Hồ Thị Mỹ	Trinh	16125532	5.80	6.60	3.80	8,10	6.60	6.20	
683	Lê Thị Phương	Trinh	17125329	5.70	7.60	5.00	7,90	10.00	7.20	x
684	Đặng Thị Kiều	Trinh	15155077	5.80	8.30	3.90	8,90	5.00	6.40	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
685	Đặng Thị Mỹ	Trinh	17125325	8.20	9.00	8.30	7,60	8.50	8.30	x
686	Ngâu Tú	Trinh	17125331	7.00	8.90	8.50	9,00	6.80	8.00	x
687	Nguyễn Thị Tú	Trinh	17122185	6.20	5.10	4.40	8,80	3.00	5.50	
688	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	17127084	7.00	9.10	3.10	7,90	5.40	6.50	
689	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	16123015	6.30	7.60	7.50	6,00	7.90	7.10	x
690	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	16111237	6.50	5.00	5.00	8,80	6.10	6.30	x
691	TrỊnh Thị Lệ	Trinh	17117082	6.80	8.80	5.60	8,40	5.50	7.00	x
692	Trương Công	Trinh	16112459	5.30	6.40	5.30	6,00	2.80	5.20	
693	Ung Thị Kiều	Trinh	17132066	6.80	8.10	3.80	8,60	5.00	6.50	
694	Ỵàng Thị Mỹ	Trinh	14149421	5.50	6.00	6.40	5,00	7.60	6.10	x
695	Hoàng Quốc	Trọng	14120062	6.20	7.00	1.60	8,40	2.00	5.00	
696	Đỗ Đức	Trọng	17113236	6.50	8.90	7.00	8,00	8.00	7.70	x
697	Phạm Hữu	Trọng	17126165	7.30	8.40	5.40	9,00	5.00	7.00	x
698	Trần Hữu	Trọng	17118124	5.70	6.50	5.10	8,60	7.80	6.70	x
699	Hồ Nhật	Trường	15154063	7.20	7.40	4.00	1,10	5.00	4.90	
700	Mai Trung	Trường	16137089	7.50	8.50	6.90	7,90	8.30	7.80	x
701	Nguyễn Xuân	Trường	15111170	8.00	9.40	9.60	8,00	8.80	8.80	x
702	Phạm Văn	Trường	12138103	4.50	5.60	3.50	2,90	0.50	3.40	
703	Lê	Trung	15137065	6.00	6.80	5.00	7,40	5.10	6.10	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
704	Lê Sỹ Đình	Trung	18454011	5.70	9.00	6.40	9,00	5.80	7.20	x
705	Lê Thành	Trung	17124198	6.30	6.50	2.90	8,10	6.60	6.10	
706	Huỳnh Vũ Thanh	Trúc	17125333	6.70	9.40	4.30	8,60	2.90	6.40	
707	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	17122191	6.00	7.30	5.00	8,40	6.00	6.50	x
708	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	17125334	6.50	8.50	6.40	8,50	9.00	7.80	x
709	Nguyễn Đình Lệ Thanh	Trúc	15125272	7.20	8.60	8.90	8,80	6.80	8.10	x
710	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15125379	7.30	5.90	6.30	8,30	6.60	6.90	x
711	Phạm Thanh	Trúc	17120198	7.20	9.30	3.80	8,40	4.30	6.60	
712	Nguyễn Thanh	Truyền	15145084	7.20	5.10	3.00	8,00	5.60	5.80	
713	Huỳnh Công	UẨn	17125345	7.20	7.80	5.40	8,60	6.10	7.00	x
714	Lê Thị Lan	Uyên	17125347	6.80	8.50	4.10	9,00	5.60	6.80	
715	Phạm Thị	Vân	17125352	6.00	7.50	5.80	8,40	8.80	7.30	x
716	Phạm Thị Hồng	Vân	17139168	6.70	4.00	3.80	5,30	5.60	5.10	
717	Phạm Thị Cẩm	Vân	16125562	7.70	7.90	5.80	8,60	5.60	7.10	x
718	Trần Thị Cẩm	Vân	18424022	6.50	7.10	5.40	7,30	6.80	6.60	x
719	Trần Mỹ	Vày	17122207	5.30	7.90	5.50	8,40	8.30	7.10	x
720	Từ Thị Hồng	Vi	16139256	6.80	8.50	6.90	7,90	7.10	7.40	x
721	Võ Tường	Vi	17149196	5.30	7.80	6.80	7,80	3.30	6.20	
722	Đặng Thanh	Việt	17118136	7.30	8.80	4.80	9,00	3.00	6.60	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
723	Nguyễn Ngọc	Việt	17123129	8.00	8.90	8.60	5,00	6.60	7.40	x
724	Võ Quốc	Việt	17153079	6.00	7.90	6.50	8,40	7.30	7.20	x
725	Lê Ngọc	Viên	16128134	6.30	6.10	4.00	7,30	5.60	5.90	
726	Nguyễn Thị Lâm	Viên	15149164	7.80	8.10	7.00	8,10	9.10	8.00	x
727	Cao Bá	Vinh	17127095	6.70	8.40	5.60	8,60	6.50	7.20	x
728	Hồ Quang	Vinh	17122209	6.70	8.50	5.30	8,60	6.30	7.10	x
729	Nguyễn	Vinh	15126175	7.50	6.50	5.60	,00	5.30	5.00	
730	Nguyễn Tiến	Vinh	16113167	6.20	6.60	3.10	5,90	6.50	5.70	
731	Nguyễn Thành	Vinh	15112477	3.30	2.90	1.60	6,60	2.00	3.30	
732	Phạm Xuân	Vinh	15114204	7.00	7.10	6.00	8,40	2.30	6.20	
733	Mang	Vư	15113231	6.30	7.00	6.80	8,40	5.00	6.70	x
734	Nguyễn Tuấn	Vọng	17124211	7.50	7.40	4.10	7,40	5.00	6.30	
735	Bùi Nhật	Vương	15118135	5.30	7.60	5.60	8,60	5.50	6.50	x
736	Cáp	Vương	14122449	5.70	6.80	3.50	7,50	2.00	5.10	
737	Hoàng Thanh	Vương	17153080	6.20	5.40	3.90	6,00	2.00	4.70	
738	Huỳnh Quốc	Vương	15149168	7.20	8.00	8.80	8,60	7.30	8.00	x
739	Nguyễn Quốc	Vương	15118137	6.80	5.10	5.30	8,40	6.00	6.30	x
740	Đoàn Thị	Vui	17125361	5.80	6.80	3.40	8,40	3.50	5.60	
741	Nguyễn Vũ Kim	Vui	17123132	5.30	9.30	5.40	8,90	8.30	7.40	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
742	Trần Thị	Vui	16128139	5.80	8.50	1.30	8,90	7.50	6.40	
743	Đỗ Văn	Vũ	16112464	4.50	5.60	4.50	8,10	4.30	5.40	
744	Nguyễn Hoàng	Vũ	15115201	5.20	6.00	1.30	8,30	3.00	4.80	
745	Dương Thị Mỹ	Vy	15124361	6.30	6.50	4.10	6,60	5.00	5.70	
746	Lăng Thị Tường	Vy	17120210	5.80	8.60	6.00	9,00	6.40	7.20	x
747	Lê Thị Nhật	Vy	17114068	7.00	0.00	4.60	8,60	7.40	5.50	
748	Lê Thị Hà	Vy	16111267	7.30	6.40	6.30	5,90	7.80	6.70	x
749	Nguyễn Ngô Thảo	Vy	16128142	6.20	5.00	5.50	8,40	7.60	6.50	x
750	Nguyễn Thị Thúy	Vy	16115211	6.50	6.80	5.10	6,30	7.10	6.40	x
751	Phạm Thúy	Vy	15123123	5.50	3.10	1.60	8,40	2.00	4.10	
752	Đoàn Nhật	Xinh	17114069	6.20	0.10	4.00	8,10	5.00	4.70	
753	Lê Thị Kim	Xuân	17149204	5.50	9.10	5.60	8,40	3.30	6.40	
754	Huỳnh Thanh Bảo	Yến	17424054	6.50	7.30	4.10	7,40	3.00	5.70	
755	Lường Thị	Yến	16126212	5.50	6.00	3.90	6,40	5.00	5.40	
756	Nguyễn Ngọc	Yến	17424055	6.00	7.90	3.60	8,40	9.00	7.00	
757	Nguyễn Thị	Yến	15126900	7.00	7.80	3.90	8,90	2.50	6.00	
758	Nguyễn Thị	Yến	18423016	6.50	9.10	6.80	8,60	6.80	7.60	x
759	Nguyễn Thị Hải	Yến	16123258	6.50	5.60	4.30	7,80	8.00	6.40	
760	Thái Ngọc	Yến	16155100	6.50	5.80	2.30	5,00	5.60	5.00	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2020

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
761	Trần Thị Hải	Yến	17115141	6.00	7.40	3.80	7,60	6.90	6.30	
762	Trượng Thị Kim	Yến	16117088	6.80	7.50	3.10	8,50	5.30	6.20	
763	Phạm Thị	Yên	16155098	5.00	6.80	5.30	8,00	5.10	6.00	x
764	Trần Thị Như	Ý	16122392	7.30	9.40	7.50	8,60	9.10	8.40	x

TRUNG TÂM TIN HỌC